

Bản án số: 09/2023/KDTM-PT

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

V/v tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hoá

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

*Các Thẩm phán:* Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Ông Trương Thanh Dũng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Diễm Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 07/2023/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L.**

Địa chỉ: Lô A05, khu công nghiệp Đức H 1, ấp 5, xã Đức Hòa Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Thanh K.**

2. Bị đơn: Ông **Trương Minh L**, sinh năm 1969 (hộ kinh doanh)

Địa chỉ: ấp Ba Đ, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư **Nguyễn Bằng L**, Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thùy L2**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Thăng L, xã Vĩnh T, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 92, ấp Nước C, xã Vĩnh Bình B, huyện Vĩnh T, tỉnh Kiên Giang.

\*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh T** và ông **Văn Chí N**.

(Ông K, ông Bằng L, ông Tùng, ông N có mặt; ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh K trình bày: Ngày 02/01/2019 Hợp đồng số HĐPP/MTA/KGI-04 và ngày 02/01/2021 Hợp đồng số HĐPP/MTA/KGI-05. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L (sau đây gọi tắt là công ty Thăng L) với đại lý Văn L, đại diện là ông Trương Minh L có ký hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản. Theo đó, đại lý Văn L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty Thăng L trước khi nhận hàng. Trong trường hợp chuyển khoản thì Đại lý phải Fax ủy nhiệm chi cho công ty Thăng L. Sau khi công ty Thăng L nhận được ủy nhiệm chi và khi ngân hàng thông báo có số tiền vào tài khoản, công ty sẽ thực hiện thủ tục xuất hàng cho đại lý. Tuy nhiên, vào các tháng cao điểm của vụ nuôi, công ty Thăng L đồng ý cho Đại lý nhận hàng trước và thanh toán trả sau trong phạm vi hạn mức tín dụng được xác định trong thư bảo lãnh thanh toán không hủy ngang và vô điều kiện do một ngân hàng hợp pháp (công ty chỉ định) phát hành bảo lãnh thanh toán thay cho Đại lý, bằng bản chính cho công ty với thời hạn chậm không quá 60 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Do công ty Thăng L tin tưởng Đại lý nên vào vụ mùa cao điểm vụ nuôi tôm hỗ trợ cho Đại lý nhận hàng để đáp ứng nhu cầu cung cấp hàng cho người nuôi, dẫn đến việc các đơn hàng phát sinh từ ngày 26/08/2020 đến ngày 25/10/2021 ông L liên tục thanh toán trễ hạn, gây thiệt hại cho phía công ty Thăng L. Công ty Thăng L đã nhiều lần hẹn gặp trao đổi trực tiếp về kế hoạch thanh toán nhưng ông L gây nhiều khó khăn, gây thiệt hại cho công ty. Do đó, công ty Thăng L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Minh L và bà Trần Thùy L2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 9.967.271.769 đồng. Trong đó tiền hàng còn nợ là 8.944.175.224 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2020 đến ngày 12/7/2022 là 1.023.096.545 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán hết nợ. Đến ngày 27/3/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện công ty Thăng L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L bà L2 thanh toán tiền nợ gốc là 8.944.175.224 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 04/11/2021 theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

\* Bị đơn ông Trương Minh L trình bày: Khi còn là vợ chồng do ông Trương Minh L đứng tên giấy phép kinh doanh nên ông L có ký các hợp đồng phân phối thức ăn như công ty Thăng L đã trình bày. Mặc dù ông L và bà L2 đã ly hôn vào ngày 18/6/2019 nhưng sau khi ly hôn ông và bà L2 thỏa thuận, ông L giao sổ sách mua bán cho bà L2 gom tiền để trả nợ cho công ty. Do đó, ông đồng ý cùng bà L2 thanh toán tiền nợ của công ty Thăng L với số tiền mà công ty yêu cầu và được Tòa án chấp nhận, mỗi người trả ½ vì từ năm 2019 đến 2021

ông chỉ lấy thức ăn từ công ty Thăng L, không lấy thức ăn thủy sản công ty nào khác.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thùy L2 trình bày: Bà L2 không đồng ý với yêu cầu của công ty Thăng L. Bởi các lý do sau:

1. Bà L2 ông L không phải là vợ chồng đã được Tòa án nhân dân huyện Hồng D xét xử bằng Bản án số 20/2019/HNGĐ- ST ngày 18/6/2019.

2. Về khoản nợ mà công ty yêu cầu bà L2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để cùng ông L trả số tiền 9.967.271.769 đồng. Trong đó tiền hàng còn nợ là 8.944.175.224 đồng, được ký xác nhận đối chiếu công nợ giữa công ty với ông L, là không liên quan gì đến bà L2.

3. Tại Hợp đồng số HĐPP/MTA/KGI-05 ngày 02/01/2021, công ty tự ý ghi tên bà L2 vào hợp đồng để khởi kiện bà, đối với bà hợp đồng này là vô hiệu, bởi không có sự đồng ý và ký tên của bà, là hành động trái pháp luật.

4. Về các hóa đơn điện tử phía nguyên đơn cung cấp là chưa đủ căn cứ quy trách nhiệm bà L2 là người có quyền lợi và liên quan.

5. Việc bà L2 viết tờ cam kết thanh toán công nợ ngày 19/4/2021 là cam kết có điều kiện, nhưng phía công ty không đáp ứng được các điều kiện bà L2 đưa ra nên không có giá trị pháp lý nên không có hiệu lực.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L.

Buộc ông Trương Minh L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L tổng số tiền là 5.504.862.214 đồng. Trong đó tiền gốc 4.520.277.632 đồng và tiền lãi phát sinh là 984.584.582 đồng.

Buộc bà Trần Thùy L2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L tổng số tiền là 5.387.489.173 đồng. Trong đó tiền gốc 4.423.897.612 đồng và tiền lãi phát sinh là 963.591.561 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Trương Minh L nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.504.862 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Buộc bà Trần Thùy L2 nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.387.489 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L đã dự nộp số tiền 85.835.000 đồng theo biên lai thu số 0006636 ngày 02/12/2022 sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 8/5/2023, bà Trần Thùy L2 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thùy L2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L thống nhất với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L thống nhất với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thùy L2, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa phù hợp bởi đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thùy L2 trong thời hạn luật định và bà L2 đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Trần Thùy L2 về việc không đồng ý có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Khoa kỹ sinh vật Thăng L tổng số tiền là 5.387.489.173 đồng và phải nộp án phí.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng L có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản với ông Trương Minh L (đại lý Văn L) theo hợp đồng HĐPP/MTA/KGI-04 ngày 02/01/2019 và hợp đồng số HĐPP/MTA/KGI-05 ngày 02/01/2021. Khi kết thúc việc mua bán thì hai bên có ký xác nhận vào bảng đối chiếu công nợ, theo đó tính đến khi đối chiếu công nợ ngày 19/4/2021 cơ sở Văn L còn nợ Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng L số tiền nợ gốc là 8.847.795.224đ, đối chiếu công nợ đến ngày 12/2021 cơ sở Văn L còn nợ Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng L số tiền nợ gốc là 8.944.175.224 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng L có nộp các hóa đơn điện tử, biên bản đối chiếu công nợ, Đơn cam kết thanh toán công nợ do bà Trần Thùy L2 viết ngày 19/4/2021 và cam kết thanh toán công nợ do ông Trương Minh L viết cùng ngày 19/4/2021.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bà L2 thừa nhận chữ ký và chữ viết tại Tờ cam kết ngày 19/4/2021 là chữ ký và chữ viết do bà L2 viết và ký, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bà L2 cho rằng bà L2 viết biên nhận này do bên Công ty hướng dẫn và đọc cho bà L2 viết, không phải ý chí tự nguyện; hơn nữa cam kết này là giao dịch có điều kiện, do công ty không thực hiện đúng nội dung trong cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi cho bà L2, trái ý chí của bà L2 nên tờ cam kết này bị vô hiệu toàn bộ. Tuy nhiên, bà L2 không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bà L2 bị ép buộc viết tờ cam kết và bà L2 không bị Tòa án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Từ đó, các ý kiến phản bác của bà L2 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Tại bản án số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D đã tuyên xử không công nhận bà Trần Thùy L2 và ông Trương Minh L là vợ chồng, đối với tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D đã ghi nhận việc chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thùy L2 và ông Trương Minh L.

Như vậy, đối với đối với tài sản nợ ông L, bà L2 chưa giải quyết.

Sau khi ly hôn ông L đã bàn giao sổ sách mua bán cho bà L2 quản lý, điều này được thể hiện tại bản án số 39/2022/DS-ST ngày 18/8/2022 của TAND huyện Vĩnh T, tỉnh Kiên Giang, tại lời khai của bà L2 có đoạn trình bày “.....Bà và ông L thỏa thuận bà đứng ra thu để trả nợ cho công ty” (bl 185-186). Và tại “*Biên bản thỏa thuận ngày 20/7/2022*” giữa bà Trần Thùy L2, ông Trương Minh L và ông Đỗ Văn Đ (bl 184) thể hiện “*ông Đẹt có nợ tiền thức ăn nuôi tôm của ông L và bà L2 số tiền 102.800.000đ, nay thỏa thuận ông Đ trả cho ông Trương Minh L 51.400.000đ và trả cho bà L2 là 51.400.000đ*”. Đồng thời, tại “Đơn cam kết thanh toán công nợ” do bà Trần Thùy L2 viết ngày 19/4/2021 có đoạn ghi: “.....*Hiện nay gia đình tôi có nợ công ty Thăng L. Tới ngày 12/4/21 Tám tỉ tám trăm bốn mươi bảy bảy trăm chín mươi lăm hai trăm hai mươi bốn ngàn (8.847.795.224đ) do gia đình tôi hiện nay đã ly hôn nên tôi cam kết thanh toán*

cho Cty Thăng L là 4.423.897.612đ (Bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm ba triệu tám trăm tám trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười hai đồng .....từ nay về sau tôi nhận hàng sẽ thanh toán tiền mặt cho Cty, nếu thu được công nợ thêm từ khách hàng tôi sẽ thanh toán cho Cty (trung bình 100.000.000đ) trên năm” (bl 174). Qua đó đã thể hiện ý chí của bà L2 đồng ý trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L số tiền 4.423.897.612 đồng trên tổng số tiền nợ chung với ông L của công ty là 8.847.795.224 đồng; chữ ký và chữ viết do bà L2 viết và ký nên bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L nợ gốc là 4.423.897.612 đồng. Đối với ông L phải trả số tiền nợ gốc còn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L là 8.944.175.244 đồng – 4.423.897.612 đồng = 4.520.277.632 đồng.

[2.1.3] Xét yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Do các bên không thỏa thuận về mức lãi suất nên số tiền lãi và mức lãi suất được xác định theo Điều 306 Luật thương mại, cụ thể: “... bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”. Đồng thời tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Căn cứ vào sự xác nhận của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất nợ quá hạn ngày 27/4/2023 là 12,9%/năm.

Căn cứ vào sự xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam thì lãi suất nợ quá hạn ngày 27/4/2023 là 19,8%/năm.

Căn cứ vào sự xác nhận của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bạc Liêu thì lãi suất nợ quá hạn ngày 27/4/2023 là 14,25%/năm.

Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 15,65%/năm.

Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình được áp dụng cao là 15,65%/năm hơn mức lãi suất 14,75%/năm mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thống nhất với quyết định của án sơ thẩm đã tuyên, đồng ý với mức lãi suất 14,75%/năm, đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, tiền lãi phát sinh buộc bà Trần Thùy L2 phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L là 963.591.561đ; buộc ông Trương Minh L phải thanh toán tiền lãi phát sinh cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L là 984.584.582đ.

[2.1.4] Bà Trần Thùy L2 không đồng ý nộp án phí, xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm*”. Trong vụ án này, bà L2 không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L nên bà L2 phải chịu án phí trên tổng số tiền phải thanh toán là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thùy L2; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Trương Minh L nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.504.862 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Buộc bà Trần Thùy L2 nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.387.489 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L đã dự nộp số tiền 85.835.000 đồng theo biên lai thu số 0006636 ngày 02/12/2022, được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

[4.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Buộc bà Trần Thùy L2 nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng. Bà L2 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0010582 ngày 8/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu, khấu trừ án phí phải nộp bà L2 phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

[5] Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa phù hợp bởi đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thùy L2; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 370 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L.

1.1. Buộc ông Trương Minh L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L tổng số tiền là 5.504.862.214 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 4.520.277.632 đồng và tiền lãi phát sinh là 984.584.582 đồng.

1.2. Buộc bà Trần Thùy L2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L tổng số tiền là 5.387.489.173 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 4.423.897.612 đồng và tiền lãi phát sinh là 963.591.561 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả qui định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

### **2. Về án phí:**

[2.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Trương Minh L nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.504.862 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Buộc bà Trần Thùy L2 nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 113.387.489 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng L đã dự nộp số tiền 85.835.000 đồng theo biên lai thu số 0006636 ngày 02/12/2022, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

[2.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Buộc bà Trần Thùy L2 nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng. Bà L2 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số



0010582 ngày 8/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu, khấu trừ án phí phải nộp bà L2 phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tăng Trần Quỳnh Phương**